

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 5
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	.
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 là 790.000.000.000 VND, tương đương với 79.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty mẹ được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom với mã chứng khoán DGT, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09 tháng 03 năm 2010.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3 899 860
- Fax : (0251) 3 899 750

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuynel. (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết Chế biến đá. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng. (Trừ khai thác cát) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác và thu gom than bùn. Chi tiết: Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép khai thác và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nạo vét kênh, rạch. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. (Trừ kinh doanh bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa. (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa. (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. (không kinh doanh tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. (về VLXD, không chứa hàng tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

- (riêng kinh doanh rượu, thuốc lá chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
 - Phá dỡ;
 - Lắp đặt hệ thống điện. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. - Kinh doanh nhà. - Hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT). - Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
 - Hoạt động tư vấn quản lý. (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định);
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
 - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Xây dựng nhà để ở;
 - Xây dựng nhà không để ở;
 - Xây dựng công trình đường sắt;
 - Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
 - Xây dựng công trình công ích khác;
 - Xây dựng công trình khai khoáng;
 - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là xây lắp công trình, bán đá, cát, bê tông, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Lưu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/08/2023
Ông Trần Việt Hà	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Nguyễn Trung Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Ngô Đức Trường	Thành viên	Từ nhiệm ngày 04/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Trần Hữu Lưu	Thành viên	Từ nhiệm ngày 04/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Trần Quang Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Trần Quang Tuấn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Phan Cao Minh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/09/2022
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/09/2022
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / miễn nhiệm
Bà Đoàn Thanh Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Nguyễn Minh Phú	Thành viên	Từ nhiệm ngày 04/08/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Bà Trịnh Thị Thùy Dung	Thành viên	Từ nhiệm ngày 04/08/2023 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Bà Bùi Thị Thúy Minh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2023 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/07/2023
Ông Ngô Đức Trường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/07/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Trần Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 05/06/2023
Ông Nguyễn Trung Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Lê Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2023 Bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Ngô Văn Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Ngô Đức Trường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19/04/2023 Bổ nhiệm ngày 27/02/2023
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Đỗ Tấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023 Miễn nhiệm ngày 14/03/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm / miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/08/2023
Bà Lương Thị Nhi Hải	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/04/2023 Tái bổ nhiệm ngày 19/04/2023
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thư ký kiêm Người phụ trách quản trị	Miễn nhiệm ngày 14/08/2023 Miễn nhiệm ngày 19/04/2023 Tái bổ nhiệm ngày 19/04/2023 Từ nhiệm ngày 01/08/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc	Từ ngày 07/07/2023
Ông Ngô Đức Trường	Tổng Giám đốc	Từ ngày 20/04/2023 đến ngày 06/07/2023
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	Đến ngày 20/04/2023

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.




NGUYỄN THANH PHONG

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023 



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 233/2023/BCSXHN-HCM.01380



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TRẦN ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2023

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2023


	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.252.605.357.585	1.146.388.954.798
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.339.547.938	254.418.315.081
Tiền	111		3.339.547.938	254.418.315.081
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.001.779.396.067	675.179.075.156
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	220.324.022.901	205.614.517.134
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	36.267.034.843	56.833.299.959
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	29.958.599.500	29.734.439.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	755.580.632.045	423.511.292.151
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(40.350.893.222)	(40.514.473.588)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.8	241.369.917.576	214.706.249.761
Hàng tồn kho	141		241.369.917.576	214.706.249.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.116.496.004	2.085.314.800
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.356.698.321	913.015.360
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.279.413.689	691.915.446
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	480.383.994	480.383.994

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.405.039.075	433.402.744.650
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.271.540.557	4.041.766.100
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	4.271.540.557	4.041.766.100
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		63.387.722.472	18.731.707.905
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	62.207.319.972	17.322.840.405
Nguyên giá	222		95.767.167.585	47.357.289.245
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.559.847.613)	(30.034.448.840)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	1.180.402.500	1.408.867.500
Nguyên giá	225		1.827.720.000	1.827.720.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(647.317.500)	(418.852.500)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.322.794.509	53.112.692.822
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.322.794.509	53.112.692.822
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	149.327.191.463	256.362.037.118
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		149.327.191.463	149.298.037.118
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	120.780.900.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(13.716.900.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		95.095.790.074	101.154.540.705
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	94.784.421.750	101.154.540.705
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.567.010.396.660	1.579.791.699.448


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		686.463.027.332	672.600.948.268
Nợ ngắn hạn	310		677.161.488.370	320.087.992.991
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	161.091.644.401	184.120.457.271
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	15.829.272.098	13.676.670.066
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	46.414.115.452	48.144.862.488
Phải trả người lao động	314		2.779.063.809	2.792.337.933
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	81.199.037.649	59.552.553.366
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	15.357.864.618	4.883.446.949
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	354.490.490.343	6.917.664.918
Nợ dài hạn	330		9.301.538.962	352.512.955.277
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	3.887.000.000	3.887.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	3.215.754.175	346.377.162.503
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.198.784.787	2.248.792.774
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		880.547.369.328	907.190.751.180
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	880.547.369.328	907.190.751.180
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		790.000.000.000	790.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		790.000.000.000	790.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		152.195.272.727	152.195.272.727
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.282.835.714	21.282.835.714
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(81.140.922.065)	(56.287.357.261)
LNST chưa phân phối năm trước	421a		(51.497.540.213)	(38.274.455.589)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(29.643.381.852)	(18.012.901.672)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.789.817.048)	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.567.010.396.660	1.579.791.699.448


ĐỖ THỊ KIM DUNG
Người lập


NGUYỄN THỊ MAI
Kế toán trưởng




NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		75.824.419.517	101.766.536.378
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	75.824.419.517	101.766.536.378
Giá vốn hàng bán	11	6.2	48.006.351.997	70.800.115.031
Lợi nhuận gộp	20		27.818.067.520	30.966.421.347
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	84.804.001	221.906.826
Chi phí tài chính	22	6.4	33.852.767.915	22.119.818.687
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.630.066.251	19.611.689.472
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		29.154.345	(33.280.469)
Chi phí bán hàng	25	6.5	12.025.146.788	12.385.417.405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.471.811.745	11.214.694.475
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(30.417.700.582)	(14.564.882.863)
Thu nhập khác	31	6.7	612.419.397	3.925.706.767
Chi phí khác	32	6.8	131.152.978	5.476.530.486
Lợi nhuận khác	40		481.266.419	(1.550.823.719)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(29.936.434.163)	(16.115.706.582)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		68.324.000	2.352.912.485
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(361.376.311)	(455.717.395)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29.643.381.852)	(18.012.901.672)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(29.643.381.852)	(18.012.901.672)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(375)	(346)



ĐỖ THỊ KIM DUNG
Người lập



NGUYỄN THỊ MAI
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI


Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(29.936.434.163)	(16.115.706.582)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	6.10	4.651.481.799	1.632.686.098
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(15.732.157.913)	3.179.451.946
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		23.038.209.915	326.001.307
Chi phí lãi vay	06		19.630.054.309	21.945.022.804
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.651.153.947	10.967.455.573
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(337.792.733.245)	(951.064.400.869)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(28.622.444.178)	(51.247.680.459)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		10.364.259.960	107.774.314.570
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		6.426.435.992	(16.918.759.480)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.157.347.161)	(8.248.599.749)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.15	(93.804.931)	(502.537.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(350.224.479.616)	(909.240.208.358)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(383.455.482)	(7.509.259.260)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.754.545.455	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(219.160.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		741.300.400	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(332.916.138)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		96.587.810.000	20.009.905.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.255.001	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		98.523.295.374	12.167.729.602
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.19	-	707.560.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	22.092.791.453	346.522.851.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(21.305.374.354)	(177.394.199.087)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	7.2	(165.000.000)	(165.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		622.417.099	876.523.651.913
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5.1	(251.078.767.143)	(20.548.826.843)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		254.418.315.081	22.801.791.468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	3.339.547.938	2.252.964.625


ĐỖ THỊ KIM DUNG
Người lập


NGUYỄN THỊ MAI
Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn bao gồm: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty TNHH MTV DGT – Nghệ An, Công ty TNHH MTV Đầu Tư DGT, Công ty TNHH MTV DGT – Vũng Tàu, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VLXD DGT, Công ty TNHH MTV DGT – Đồng Tháp và công ty liên doanh là Công ty TNHH Đồng Lợi.

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 07 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 là 790.000.000.000 VND, tương đương với 79.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty mẹ được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom với mã chứng khoán DGT, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09 tháng 03 năm 2010.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuynel. (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Casting và hoàn thiện đá. Chi tiết Chế biến đá. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng. (Trừ khai thác cát) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác và thu gom than bùn. Chi tiết: Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép khai thác và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nạo vét kênh, rạch. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. (Trừ kinh doanh bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa. (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa. (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. (không kinh doanh tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. (về VLXD, không chứa hàng tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (riêng kinh doanh rượu, thuốc lá chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. - Kinh doanh nhà. - Hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT). - Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Hoạt động tư vấn quản lý. (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là xây lắp công trình, bán đá, cát, bê tông, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Danh sách các công ty con, công ty liên doanh được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV DGT – Nghệ An	Số 3 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư DGT	Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%
Công ty TNHH MTV DGT – Vũng Tàu	Tầng 4, Vũng Tàu Plaza, số 207 Lê Hồng Phong, phường 8, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VLXD DGT	Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	60%	60%
Công ty TNHH MTV DGT – Đồng Tháp	Số 142, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đồng Lợi	Số 3, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	50%	50%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Khai thác cát Đắc Lua	Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác cát
Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Thôn 8, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	Sản xuất bê tông
Cửa hàng Vật liệu xây dựng số 1	Thôn 1, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Cửa hàng Vật liệu xây dựng số 2	Thôn 5, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Kinh doanh vật liệu xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 94 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí khai thác Mỏ đá Tân Cang

Được phân bổ dựa theo sản lượng khai thác thực tế.

Chi phí khai thác Mỏ đá Đăk Lua

Được phân bổ dựa theo thời gian được phép khai thác.

Chi phí khác

Các chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 32
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06
Tài sản khác	06

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Tập đoàn trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Tập đoàn.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Tập đoàn phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Tập đoàn nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Tập đoàn ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Đồng Lợi	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	26.566.565	1.190.724.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.312.981.373	253.227.590.657
	3.339.547.938	254.418.315.081

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

		30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	149.327.191.463	149.298.037.118
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	-	120.780.900.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(13.716.900.000)
		149.327.191.463	256.362.037.118

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Đồng Lợi	149.327.191.463	149.298.037.118
	149.327.191.463	149.298.037.118

Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đồng Lợi với giá trị vốn góp là 150.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 50,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Đồng Lợi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900777297 cấp lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 26 tháng 06 năm 2023.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Công ty TNHH Đồng Lợi đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	-	120.780.900.000
	-	120.780.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp với giá trị vốn góp tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 120.780.900.000 VND tương đương 3.600.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,33% vốn điều lệ của Công ty này.

Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu này với giá trị thu lại được là 95.775.950.000 VND.

5.3	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	<i>Phải thu bên liên quan</i>		
	Công ty TNHH Đồng Lợi	1.240.748.951	1.110.748.951
	<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
	Công ty TNHH Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng Cửu Long	106.158.644.188	131.725.369.807
	Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	26.094.926.513	26.094.926.513
	Các khách hàng khác	86.829.703.249	46.683.471.863
		<u>220.324.022.901</u>	<u>205.614.517.134</u>
5.4	Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	<i>Trả trước bên liên quan</i>		
	Công ty TNHH Đồng Lợi	1.137.287.080	122.235.890
	<i>Trả trước các nhà cung cấp khác</i>		
	Ông Võ Công Vinh	9.743.675.747	9.743.675.747
	Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Biên Hòa	8.698.611.086	8.698.611.086
	Công ty CP THT Holdings Việt Nam	-	19.970.912.665
	Các khách hàng khác	16.687.460.930	18.297.864.571
		<u>36.267.034.843</u>	<u>56.833.299.959</u>
5.5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	<i>Phải thu bên liên quan</i>		
	Công ty TNHH Đồng Lợi	29.958.599.500	29.734.439.500
		<u>29.958.599.500</u>	<u>29.734.439.500</u>

Đây là khoản cho Công ty TNHH Đồng Lợi vay theo hợp đồng Số 01/2021/HĐ ngày 13 tháng 09 năm 2021, với lãi suất 0%/năm, thời hạn cho vay là 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Đồng Lợi	68.900.000	-	50.000.000	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Ông Trương Hiền Vũ - phải thu về hợp tác kinh doanh (*)	746.606.827.054	-	418.658.961.874	-
Công ty TNHH Xây dựng dịch vụ An Khang Phú – Phải thu tiền chuyển nhượng đầu tư	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ - phải thu về hợp tác kinh doanh (**)	1.463.587.770	-	2.363.587.769	-
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận – phải thu chi phí bảo vệ KCN Tuy Phong	825.000.000	-	825.000.000	-
Tạm ứng	1.414.795.582	-	487.616.303	-
Ký quỹ ngắn hạn	307.000.000	-	7.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.894.521.639	(769.618.038)	1.119.126.205	(770.082.818)
	755.580.632.045	(769.618.038)	423.511.292.151	(770.082.818)

(*) Khoản phải thu ông Trương Hiền Vũ theo các hợp đồng hợp tác đầu tư sau:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 126/2022/HTĐT/DGT ngày 28/3/2022 và phụ lục số 126A/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 28/3/2022, chi tiết như sau:

Mục đích	: Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các mỏ đá trắng tại khu vực huyện Quy Hợp - tỉnh Nghệ An
Thời hạn	: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoảng thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền	: 150.000.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 113.000.000.000 VND
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 126/2022/HTĐT/DGT ngày 28/3/2022 và phụ lục số 126B/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 28/3/2022, phụ lục số 126C/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 28/9/2022, chi tiết như sau:

Mục đích	: Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các bến thủy nội địa với diện tích trên 5 ha - tỉnh Đồng Tháp
Thời hạn	: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoảng thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền đầu tư ban đầu	: 60.000.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 1.158.961.874 VND
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1807/2022/HTĐT/DGT ngày 18/7/2022 và các phụ lục: phụ lục số 1807A/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 18/7/2022; phụ lục số 1807B/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 18/7/2022; phụ lục số 1807C/2022/PL-HTĐT/DGT ngày 18/7/2022 chi tiết như sau:

Mục đích	: Tìm kiếm phát triển Khu công nghiệp ở khu vực Nam Trung Bộ
Thời hạn	: Không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoảng thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền đầu tư ban đầu	: 22.300.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 17.300.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0201/HTĐT/DGT/2023 ngày 02/01/2023 và các phụ lục: phụ lục số 0201A/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 03/01/2023; phụ lục số 0201B/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 03/01/2023; phụ lục số 0201C/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 22/02/2023; phụ lục số 0201D/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 24/02/2023; phụ lục số 0201E/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 09/03/2023; phụ lục số 0201F/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 10/03/2023; phụ lục số 0201G/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 10/03/2023; phụ lục số 0201H/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 10/03/2023; phụ lục số 0201I/PL-HTĐT/DGT/2023 ngày 14/03/2023 chi tiết như sau:

Mục đích : Tìm kiếm phát triển Khu công nghiệp ở khu vực Nam Bộ;
Thời hạn : Không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoảng thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền đầu tư ban đầu : 327.947.865.180 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023 : 327.947.865.180 VND.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2022/HĐĐT/DGTNGHEAN ngày 03 tháng 03 năm 2022 và các phụ lục: phụ lục số 17A/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022, 17B/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022, 17C/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022, 17D/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022, 17E/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022, 17F/2022/PL-HTĐT/DGTNGHEAN ngày 09/03/2022:

Mục đích : Tìm kiếm phát triển Khu công nghiệp ở khu vực Nam Trung Bộ
Thời hạn : Không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoảng thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền : 67.259.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023 : 67.259.000.000 VND

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/2022/HTĐT/VLXD ngày 09/03/2022, phụ lục hợp đồng số 15-1/2022/PL-HTĐT/VLXD, 15-2/2022/PL-HTĐT/VLXD và 15-3/2022/PL-HTĐT/VLXD ngày 11/3/2022:

Mục đích : Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, khoáng sản
Thời hạn : Không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một thời gian khác dài hơn được hai bên thống nhất bằng văn bản
Số tiền đầu tư : 154.241.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023 : 154.241.000.000 VND

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2022/HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 02/03/2022 và các phụ lục: phụ lục số 16A/2022/PL-HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 08/03/2022; phụ lục số 16B/2022/PL-HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 09/03/2022; phụ lục số 16C/2022/PL-HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 11/03/2022; phụ lục số 16D/2022/PL-HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 11/03/2022; phụ lục số 16E/2022/PL-HTĐT/DGTDONGTHAP ngày 11/03/2022:

Mục đích : Tìm kiếm phát triển KCN ở Khu vực Nam Trung Bộ
Thời hạn : Không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận tiền hợp tác đầu tư hoặc một khoản thời gian khác dài hơn được hai bên cùng thống nhất bằng văn bản
Số tiền đầu tư ban đầu : 65.700.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023 : 65.700.000.000 VND.

Thông qua kết quả trao đổi công việc với các bên của Ông Trương Hiền Vũ, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng Hứa chuyển nhượng và Hứa nhận chuyển nhượng ngày 28 tháng 04 năm 2023 và phụ lục hợp đồng Hứa chuyển nhượng và Hứa nhận chuyển nhượng ngày 28 tháng 07 năm 2023 về việc ông Nguyễn Văn Đồng và bà Trần Thị Mai Hương, cổ đông nắm giữ 50% cổ phần của Công ty TNHH Đồng Lợi hứa chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ cho Công ty với giá không thấp hơn 350.000.000.000 VND và thời hạn chuyển nhượng là ngày 31 tháng 08 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

(**) Đây là tiền phân chia lãi lỗ lũy kế từ hợp tác kinh doanh giữa Công ty mẹ với Công ty Đông Nam Bộ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HTKD-PKD ngày 01/10/2012, mục đích đầu tư, khai thác, kinh doanh cát tại mỏ Đắc Lua thuộc xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, hai bên vẫn chưa thống nhất được bảng chia lãi lỗ từ hoạt động đầu tư mỏ cát Đắc Lua, Công ty mẹ ghi nhận phân chia lãi lỗ theo tỷ lệ ghi trên hợp đồng số 06/HTKD-PKD.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.000.701.557	-	3.813.476.100	-
Các khoản phải thu khác	270.839.000	-	228.290.000	-
	4.271.540.557	-	4.041.766.100	-

5.7 Nợ xấu

	30/06/2023		01/01/2023			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty Cổ Phần Xây dựng Hiệp An	Từ 1 đến dưới 2 năm	11.391.320.000	(5.695.660.000)	Từ 1 đến dưới 2 năm	11.391.320.000	(5.695.660.000)
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	Trên 3 năm	3.817.956.751	(3.817.956.751)	Trên 3 năm	3.817.956.751	(3.817.956.751)
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP	Trên 3 năm	3.215.338.122	(3.215.338.122)	Trên 3 năm	3.215.338.122	(3.215.338.122)
Ông Võ Công Vinh	Trên 3 năm	9.743.675.747	(9.743.675.747)	Trên 3 năm	9.743.675.747	(9.743.675.747)
Ông Nguyễn Văn Huy	Trên 3 năm	4.194.680.853	(4.194.680.853)	Trên 3 năm	4.194.680.853	(4.194.680.853)
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Trên 3 năm	3.995.165.719	(3.995.165.719)	Trên 3 năm	3.995.165.719	(3.995.165.719)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	6.713.612.131	(6.713.612.131)	Trên 3 năm	6.714.076.911	(6.714.076.911)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 2 đến dưới 3 năm	716.166.308	(501.316.416)	Từ 2 đến dưới 3 năm	716.166.308	(501.316.416)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 1 đến dưới 2 năm	4.420.068.185	(2.210.034.094)	Từ 1 đến dưới 2 năm	4.420.349.357	(2.210.174.680)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	878.177.960	(263.453.389)	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.421.427.960	(426.428.389)
		49.086.161.776	(40.350.893.222)		49.630.157.728	(40.514.473.588)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu khách hàng VND	Phải thu khác VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	(18.611.548.288)	(770.082.818)	(21.132.842.482)	(40.514.473.588)
Trích lập dự phòng	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	464.780	163.115.586	163.580.366
Tại ngày 30/06/2023	(18.611.548.288)	(769.618.038)	(20.969.726.896)	(40.350.893.222)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	86.707.021.646	-	68.661.319.071	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang (*)	115.003.652.516	-	114.880.565.321	-
Thành phẩm	37.198.632.413	-	28.271.557.221	-
Hàng hóa	2.460.611.001	-	2.892.808.148	-
	241.369.917.576	-	214.706.249.761	-

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí thi công dự án "Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt" (**)	114.224.810.433	114.224.810.433
Chi phí thi công dự án "Tuyến dân cư Mương Miếu"	66.804.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bê tông nhựa nóng	56.283.195	-
Chi phí thi công dự án khác	655.754.888	655.754.888
	115.003.652.516	114.880.565.321

(**) Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, đối với dự án "Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt", Tập đoàn đã thi công xong các hạng mục, tuy nhiên, dự án chưa thể nghiệm thu bàn giao do thời gian chờ lún là 9 tháng và bù cát theo đúng yêu cầu kỹ thuật chất lượng công trình.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	5.335.103.009	18.115.147.059	23.254.847.352	83.913.825	568.278.000	47.357.289.245
Tăng trong kỳ	50.901.953.795	90.000.000	-	-	-	50.991.953.795
Giảm do thanh lý	-	-	(2.582.075.455)	-	-	(2.582.075.455)
Tại ngày 30/06/2023	56.237.056.804	18.205.147.059	20.672.771.897	83.913.825	568.278.000	95.767.167.585
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	3.096.840.928	15.660.747.053	11.053.553.809	83.913.825	139.393.225	30.034.448.840
Khấu hao trong kỳ	3.040.327.678	269.683.512	1.064.149.109	-	48.856.500	4.423.016.799
Giảm do thanh lý	-	-	(897.618.026)	-	-	(897.618.026)
Tại ngày 30/06/2023	6.137.168.606	15.930.430.565	11.220.084.892	83.913.825	188.249.725	33.559.847.613
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	2.185.692.635	2.032.869.073	12.622.824.476	-	481.454.221	17.322.840.405
Tại ngày 30/06/2023	50.099.888.198	2.274.716.494	9.452.687.005	-	380.028.275	62.207.319.972

- Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 của các tài sản cố định hữu hình đang thế chấp cho khoản vay là 7.470.041.985 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 9.436.843.818 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 21.329.414.870 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 20.970.338.338 VND).

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	1.827.720.000	1.827.720.000
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2023	1.827.720.000	1.827.720.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	418.852.500	418.852.500
Khấu hao trong kỳ	228.465.000	228.465.000
Tại ngày 30/06/2023	647.317.500	647.317.500
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	1.408.867.500	1.408.867.500
Tại ngày 30/06/2023	1.180.402.500	1.180.402.500

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển vào chi phí VND	30/06/2023 VND
- Thi công đường vận chuyển nội bộ vào bãi xây - Mỏ đá Tân Cang 4	50.587.788.889	-	(50.587.788.889)	-	-
- Thi công cải tạo văn phòng Công ty mẹ	300.000.000	675.620.415	-	(975.620.415)	-
- Lắp ghép nhà mái tôn, khung sắt, tại mỏ đá hoa trắng Châu Cường 2	213.569.966	100.594.940	(314.164.906)	-	-
- San lấp giải phóng mặt bằng làm đường khai thác	2.011.333.967	311.460.542	-	-	2.322.794.509
	53.112.692.822	1.087.675.897	(50.901.953.795)	(975.620.415)	2.322.794.509

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí khai thác Mỏ đá Tân Cang (*)	90.771.550.513	95.921.455.926
Chi phí khai thác Mỏ đá Đắc Lua (**)	3.211.065.552	4.128.512.850
Các chi phí trả trước dài hạn khác	801.805.685	1.104.571.929
	94.784.421.750	101.154.540.705

(*) Bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các chi phí có liên quan như chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí khảo sát, tư vấn, đo vẽ, chi phí khoan đá, nổ mìn và phần lãi vay đã vốn hóa (25.795.094.080 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty mẹ được cấp quyền khai thác theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 và số 787/QĐ-UBND ngày 17 tháng 03 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 4 thuộc xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trữ lượng đá xây dựng huy động vào khai thác là 5.420.080 m³. Công suất khai thác trong 1 năm là 400.000 m³. Thời gian thực hiện dự án là 17 năm (tính từ năm 2014).

(**) Bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản chi phí có liên quan như chi phí thăm dò mỏ cát, chi phí lập dự án, quản lý, tư vấn,...

Công ty mẹ được cấp quyền khai thác mỏ cát xây dựng trên sông Đồng Nai đoạn thuộc xã Đăk Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai số 891/GP-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2013. Trữ lượng cát xây dựng huy động vào khai thác là 916.619 m³. Công suất khai thác trong 1 năm là 50.000 m³. Thời gian thực hiện dự án là 12 năm kể từ 04 tháng 04 năm 2013.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các đối tượng khác				
Công ty TNHH Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng Cửu Long	29.174.462.808	29.174.462.808	47.468.768.808	47.468.768.808
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Minh Phát	26.581.746.301	26.581.746.301	37.857.745.833	37.857.745.833
Công ty TNHH TM – DV Khoán sản Kim Thảo Phát	27.214.132.658	27.214.132.658	27.245.082.464	27.245.082.464
Công ty CP Xây Dựng Vina Descon Việt Nam	16.760.777.317	16.760.777.317	7.736.997.938	7.736.997.938
Các nhà cung cấp khác	61.360.525.317	61.360.525.317	63.811.862.228	63.811.862.228
	161.091.644.401	161.091.644.401	184.120.457.271	184.120.457.271

5.13.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Hồng Ngự	3.728.482.612	2.471.452.612
Công ty TNHH Chúc Phương	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Xây dựng Giao thông ATS	2.875.273.145	2.875.273.145
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	1.040.029.799	1.040.000.000
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng (BMJC)	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khách hàng khác	4.185.486.542	3.289.944.309
	15.829.272.098	13.676.670.066

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	1.254.395.922	5.173.333.068	(6.167.018.468)	-	260.710.522
Thuế TNDN	(300.000.000)	2.248.699.985	68.324.000	(93.804.931)	(300.000.000)	2.223.219.054
Thuế thu nhập cá nhân	-	265.908.022	214.774.288	(284.951.955)	-	195.730.355
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.991.700.348	886.800.710	-	-	7.878.501.058
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.637.548.029	1.548.433.598	(2.840.561.282)	-	2.345.420.345
Thuế tài nguyên	-	3.493.528.798	2.382.539.484	(2.358.290.744)	-	3.517.777.538
Các khoản phải nộp cấp quyền, khai thác	-	30.226.899.566	-	(260.294.804)	-	29.966.604.762
Lệ phí môn bài	-	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-
Thuế khác	(180.383.994)	26.181.818	-	-	(180.383.994)	26.181.818
	(480.383.994)	48.144.862.488	10.288.205.148	(12.018.922.184)	(480.383.994)	46.414.145.452

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Đồng Lợi	-	80.281.192
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay, phạt quá hạn tại ngân hàng BIDV – chi nhánh Đồng Nai	24.161.276.052	24.161.276.052
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	21.682.445.972	4.219.178.082
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Mỏ đá Tân Cang	8.698.611.086	8.698.611.086
Các khoản phải trả khác	26.656.704.539	22.393.206.954
	81.199.037.649	59.552.553.366

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan		
Ông Ngô Đức Trường – phải trả tiền mượn	1.184.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Quân – phải trả tiền mượn	1.899.999.997	-
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	235.989.254	195.277.953
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	313.852.831	244.512.817
Cổ tức phải trả	686.092.770	686.092.770
Ký quỹ ngắn hạn	400.000.000	400.000.000
Bà Lương Thị Nhi Hải – phải trả tiền mượn	6.860.076.396	-
Ông Chen Qiong Xiong – tiền gốc, lãi trái phiếu	2.145.905.349	2.145.905.349
Các khoản phải trả khác	1.631.948.021	1.211.658.060
	15.357.864.618	4.883.446.949

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.757.000.000	1.757.000.000
Khoản tiền nhận góp vốn kinh doanh (*)	2.130.000.000	2.130.000.000
	3.887.000.000	3.887.000.000

(*) Khoản tiền nhận góp vốn kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HTKD-PKD ngày 01/10/2012 với Công ty CP Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ dự án khai thác cát xây dựng trên sông Đồng Nai tại xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tổng vốn đầu tư hợp tác dự tính là 22.803.000.000 VND. Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ là 66%. Đến ngày 30/06/2023, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ đã góp 2.130.000.000 VND.

Phương thức phân chia lãi lỗ, rủi ro trong đầu tư, khai thác và kinh doanh: Theo cơ cấu tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, cụ thể, Tập đoàn sẽ được phân chia lãi, lỗ và rủi ro 34% số phát sinh.

Tập đoàn được trích khoán khoản chi phí quản lý ổn định hàng năm đối với dự án (khoản khoán chi phí quản lý này là cố định hàng năm và không bị ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của mỏ cát) theo tỷ lệ trích 3% doanh thu vào năm thứ nhất và thứ hai; 5% doanh thu kể từ năm thứ ba trở đi.

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
 Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	1.498.092.097	1.498.092.097	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác				
Công ty Cổ phần Tân Cang (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Bùi Quang Lộc (3)	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000
Bà Phan Thị Yến (4)	2.669.914.922	2.669.914.922	1.661.514.922	1.661.514.922
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thêm mục 5.18.2)				
Vay ngân hàng	1.300.149.996	1.300.149.996	1.600.149.996	1.600.149.996
Nợ thuê tài chính	429.000.000	429.000.000	396.000.000	396.000.000
Trái phiếu thường	345.333.333.328	345.333.333.328	-	-
	354.490.490.343	354.490.490.343	6.917.664.918	6.917.664.918

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng ThauchionlineSME-6287960 ngày 24 tháng 02 năm 2023, chi tiết như sau:

Mục đích vay : Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
 Thời hạn vay : 12 tháng
 Lãi suất vay : 18%/năm
 Hình thức đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo
 Số dư tại ngày 30/06/2023 : 1.498.092.097 VND

Khoản mượn tiền Công ty CP Tân Cang theo hợp đồng hợp tác số 14/HĐHT.19 ngày 14/09/2019, chi tiết như sau:

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động theo hình thức Công ty cho công ty CP Tân Cang đi nhờ qua khu đất thuộc khu vực sân bãi của Mỏ đá Tân Cang 4
 Thời hạn vay : Cho đến khi công ty này kết nối được với đường chuyên dùng hoặc không còn nhu cầu đi nhờ
 Lãi suất vay : Không tính lãi
 Hình thức đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo
 Số dư tại ngày 30/06/2023 : 3.000.000.000 VND.

- (2) Khoản vay ông Bùi Quang Lộc theo hợp đồng số 01/CTGT - KTTK ngày 30 tháng 01 năm 2020 và các phụ lục khác kèm theo, chi tiết như sau:

Mục đích vay : Phục vụ cho mục đích đầu tư, kinh doanh hoặc các hoạt động khác của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật
 Số tiền vay : 4.000.000.000 VND
 Thời hạn vay : Đến 30/06/2023 (khoản vay đã quá hạn thanh toán trong tháng 7/2023)
 Lãi suất vay : 0%/năm
 Hình thức đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo
 Số dư tại ngày 30/06/2023 : 260.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

- (3) Khoản vay ngắn hạn Bà Phan Thị Yến theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng vay số 08/HĐMT-DGT ngày 10 tháng 08 năm 2022, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: Từ ngày 10/08/2022 đến ngày 09/08/2023
Lãi suất vay	: 0%/năm
Số tiền vay	: 520.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 298.114.922 VND.
 - Hợp đồng vay số 09/HĐMT-DGT ngày 10 tháng 10 năm 2022, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 09/10/2023
Lãi suất vay	: 0%/năm
Số tiền vay	: 1.363.400.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 1.363.400.000 VND.
 - Hợp đồng vay số 01/HĐMT-DGT ngày 02 tháng 01 năm 2023, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: Từ ngày 02/01/2023 đến ngày 01/01/2024
Lãi suất vay	: 0%/năm
Số tiền vay	: 790.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 448.400.000 VND.
 - Hợp đồng vay số 02/HĐMT-DGT ngày 12 tháng 05 năm 2023, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: Từ ngày 12/05/2023 đến ngày 11/05/2024
Lãi suất vay	: 0%/năm
Số tiền vay	: 560.000.000 VND
Số dư tại ngày 30/06/2023	: 560.000.000 VND.

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Nai (1)	3.888.904.171	3.888.904.171	5.318.979.169	5.318.979.169
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (2)	1.056.000.000	1.056.000.000	1.221.000.000	1.221.000.000
<i>Trái phiếu thường (3)</i>				
- Mệnh giá	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
- Chi phí phát hành	(4.666.666.672)	(4.666.666.672)	(8.166.666.670)	(8.166.666.670)
Vay dài hạn đến hạn trả				
Trái phiếu thường	(345.333.333.328)	(345.333.333.328)	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Đồng Nai	(1.300.149.996)	(1.300.149.996)	(1.600.149.996)	(1.600.149.996)
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	(429.000.000)	(429.000.000)	(396.000.000)	(396.000.000)
	3.215.754.175	3.215.754.175	346.377.162.503	346.377.162.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Thông tin về các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

(1) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Nai theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số DNI/22059 ngày 18/5/2022:
 - Mục đích vay : Mua 2 máy đào bánh xích theo HĐMB số HP2203-27 ngày 17/03/2022
 - Số tiền vay : 4.015.000.000 VND
 - Thời hạn vay : 48 Tháng (tính từ ngày 18/05/2022 đến 18/05/2026)
 - Lãi suất vay : Lãi suất bán vốn của Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn trên 3 năm đến bằng 5 năm + biên độ 4%/năm. Lãi suất trong kỳ là 11,8%/năm
 - Hình thức đảm bảo : 2 máy đào bánh xích nhãn hiệu SDLG E6360F có biển số xe lần lượt là 60XA-1187, 60XA-1189
 - Số dư tại ngày 30/06/2023 : 2.927.604.171 VND. Nợ dài hạn đến hạn trả: 1.003.749.996 VND; Nợ dài hạn: 1.923.854.175 VND.

- Hợp đồng tín dụng số DNI/20025 ngày 18/08/2020 và hợp đồng DNI/21044 ngày 30/09/2021:

- Số tiền vay : 1.480.000.000 VND
- Mục đích vay : Mua sắm tài sản cố định
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Lãi suất vay : 12,7% - 14,5%/năm
- Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại ngày 30/06/2023 : 961.300.000 VND
- Trong đó, nợ đến hạn trả trong kỳ : 296.400.000 VND

(2) Thuê tài chính theo hợp đồng số B220117103 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, với các thông tin sau:

- Thời hạn thuê : 48 tháng
- Giá trị tài sản thuê : 1.980.000.000 VND
- Số tiền trả trước : 396.000.000 VND
- Giá trị thuê tài chính : 1.584.000.000 VND
- Lãi suất thuê : Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC. Lãi suất tạm thời là 8,7%/năm
- Hình thức đảm bảo : Ký cược 198.000.000 VND; Thư bảo lãnh phát hành bởi ông Trần Ngọc Minh
Công ty mẹ có cam kết mua lại tài sản khi chấm dứt thời hạn thuê

(3) Theo hợp đồng đại lý đăng ký lưu ký số 01/ĐDNSHTP/DGT-CASC/DGTTH2224001 ngày 18/02/2022 giữa Công ty mẹ và Công ty CP Chứng khoán Thủ Đô, Công ty mẹ đã phát hành 3.500.000 trái phiếu, chi tiết như sau:

- Loại trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo
- Hình thức trái phiếu : Bút toán ghi sổ
- Mệnh giá : 100.000 VND
- Số lượng trái phiếu : 3.500.000 trái phiếu
- Giá trị phát hành : 350.000.000.000 VND
- Thời hạn : 2 năm
- Mục đích phát hành : Tăng quy mô vốn hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Lãi suất	:	Lãi suất cố định 11%/năm
Thời hạn trả lãi	:	Kỳ tính lãi là 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành
Tài sản đảm bảo	:	Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này gồm 12 triệu cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của bên thứ ba (cổ đông Công ty) và hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền trên đất của lô đất diện tích 15.550 m ² tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty mẹ
Số dư huy động	:	350.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")						
5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu						
	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2022	200.000.000.000	34.635.272.727	21.282.835.714	(14.936.344.871)	-	240.981.763.570
Tăng vốn trong kỳ	590.000.000.000	117.560.000.000	-	-	-	707.560.000.000
Lãi / (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(18.012.901.672)	-	(18.012.901.672)
Số dư 30/06/2022	790.000.000.000	152.195.272.727	21.282.835.714	(32.949.246.543)	-	930.528.861.898
Số dư 01/07/2022	790.000.000.000	152.195.272.727	21.282.835.714	(32.949.246.543)	-	930.528.861.898
Lãi / (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(23.338.110.718)	-	(23.338.110.718)
Số dư 31/12/2022	790.000.000.000	152.195.272.727	21.282.835.714	(56.287.357.261)	-	907.190.751.180
Số dư 01/01/2023	790.000.000.000	34.635.272.727	21.282.835.714	(56.287.357.261)	-	907.190.751.180
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi / (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(29.643.381.852)	-	(29.643.381.852)
Tăng, giảm do thoái một phần vốn ở công ty con	-	-	-	4.789.817.048	(4.789.817.048)	-
Số dư 30/06/2023	790.000.000.000	152.195.272.727	21.282.835.714	(81.140.922.065)	(1.789.817.048)	880.547.369.328

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty CP HQ Investment Group	102.000.000.000	12,91	102.000.000.000	12,91
Huỳnh Tài	120.000.000.000	15,19	120.000.000.000	15,19
Nguyễn Khánh Phương	40.417.000.000	5,12	40.417.000.000	5,12
Nguyễn Đăng Thùy Dương	-	-	119.000.000.000	15,06
Các cổ đông khác	527.583.000.000	66,78	408.583.000.000	51,72
	790.000.000.000	100,00	790.000.000.000	100,00

Biến động của vốn chủ sở hữu sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày 30 tháng 08 năm 2023:

	30/08/2023			30/06/2023		
	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Cổ đông là pháp nhân						
Công ty CP HQ Investment Group	10.200.000	102.000.000.000	12,91	10.200.000	102.000.000.000	12,91
Cổ đông là cá nhân						
Huỳnh Tài	-	-	-	12.000.000	120.000.000.000	15,19
Nguyễn Khánh Phương	141.700	1.417.000.000	0,18	4.041.700	40.417.000.000	5,12
Cổ đông khác	-	-	-	-	-	-
	68.658.300	686.583.000.000	86,91	52.758.300	527.583.000.000	66,78
	79.000.000	790.000.000.000	100,00	79.000.000	790.000.000.000	100,00

Ngày 17/08/2023 và ngày 22/08/2023, 2 cổ đông lớn đã chuyển nhượng thành công số cổ phần sở hữu, tổng cộng là 15.900.000 cổ phần chiếm 20,13 % tổng số 79.000.000 cổ phần của Công ty mẹ.

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.000.000	79.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.000.000	79.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	79.000.000	79.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.000.000	79.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	79.000.000	79.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ

	30/06/2023	01/01/2023
Đô La Mỹ (USD)	-	89,00

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xây lắp	5.728.912.727	1.938.739.174
Doanh thu bán đá	64.043.642.866	96.912.704.226
Doanh thu dịch vụ cho thuê	900.000.000	600.000.000
Doanh thu bê tông nhựa nóng	758.826.782	1.261.139.574
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	4.393.037.142	1.053.953.404
Doanh thu thuần	75.824.419.517	101.766.536.378

Trong đó, doanh thu với bên liên quan:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty TNHH Đồng Lợi	327.272.730	906.297.500

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn xây lắp	5.483.550.602	1.463.583.277
Giá vốn bán đá	37.548.974.048	65.040.435.429
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê	581.676.660	605.766.168
Giá vốn bê tông nhựa nóng	822.950.774	1.425.019.777
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.193.675.694
Giá vốn bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	3.569.199.913	1.071.634.686
	48.006.351.997	70.800.115.031

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	84.804.001	37.151.201
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	184.755.625
	84.804.001	221.906.826

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	19.630.066.251	19.611.689.472
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	246.511.666	144.560.325
Phí bán chứng khoán	-	30.235.558
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	3.499.999.998	2.333.333.332
Lỗ khi bán khoản đầu tư vào đơn vị khác (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	24.193.090.000 (13.716.900.000)	- -
	33.852.767.915	22.119.818.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	442.275.440	351.066.181
Chi phí cước đá	8.054.214.730	12.013.705.393
Chi phí thuê đất, mặt bằng	3.450.000.000	-
Chi phí bán hàng khác	78.656.618	20.645.831
	12.025.146.788	12.385.417.405

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.621.519.416	5.004.752.374
Chi phí đồ dùng văn phòng	627.086.232	852.150.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	498.084.351	832.625.435
Chi phí dự phòng	(162.975.000)	1.985.776.252
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.888.096.746	2.539.389.488
	12.471.811.745	11.214.694.475

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	70.088.026	-
Thu nhập từ cung cấp điện	-	3.700.706.767
Thu nhập khác	542.331.371	225.000.000
	612.419.397	3.925.706.767

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí phạt chậm nộp, vi phạm hành chính, truy thu thuế	99.481.862	12.679.396
Chi phí điện	-	3.476.621.245
Chi phí khác	31.671.116	1.987.229.845
	131.152.978	5.476.530.486

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(29.643.381.852)	(18.012.901.672)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(29.643.381.852)	(18.012.901.672)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	79.000.000	52.122.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	(375)	(346)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
 Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	44.580.578.138	52.504.143.239
Chi phí nhân công	8.390.083.799	6.986.598.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.651.481.799	1.632.686.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.620.904.306	78.487.312.086
Chi phí khác	44.927.133.389	23.090.924.265
	128.170.181.431	162.701.664.196

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.092.791.453	346.522.851.000
	22.092.791.453	346.522.851.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	21.305.374.354	177.394.199.087
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	165.000.000	165.000.000
	21.470.374.354	177.559.199.087

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.7 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2023			
Các khoản vay	354.490.490.343	3.215.754.175	357.706.244.518
Phải trả người bán	161.091.644.401	-	161.091.644.401
Chi phí phải trả	81.199.037.649	-	81.199.037.649
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.774.654.489	3.887.000.000	17.661.654.489
	610.555.826.882	7.102.754.175	617.658.581.057
Ngày 01 tháng 01 năm 2023			
Các khoản vay	6.917.664.918	346.377.162.503	353.294.827.421
Phải trả người bán	184.120.457.271	-	184.120.457.271
Chi phí phải trả	59.552.553.366	-	59.552.553.366
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.672.399.685	3.887.000.000	7.559.399.685
	254.263.075.240	350.264.162.503	604.527.237.743

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
 Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023:

- Tập đoàn đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.9; và
- Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	180.742.747.717	165.870.126.364	180.742.747.717	165.870.126.364
Phải thu khác	757.667.758.982	426.301.302.130	757.667.758.982	426.301.302.130
Các khoản đầu tư	-	107.064.000.000	-	107.064.000.000
Các khoản cho vay	29.958.599.500	29.734.439.500	29.958.599.500	29.734.439.500
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.339.547.938	254.418.315.081	3.339.547.938	254.418.315.081
	971.708.654.137	983.388.183.075	971.708.654.137	983.388.183.075
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	357.706.244.518	353.294.827.421	357.706.244.518	353.294.827.421
Phải trả người bán	161.091.644.401	184.120.457.271	161.091.644.401	184.120.457.271
Chi phí phải trả	81.199.037.649	59.552.553.366	81.199.037.649	59.552.553.366
Các khoản phải trả khác	17.661.654.489	7.559.399.685	17.661.654.489	7.559.399.685
	617.658.581.057	604.527.237.743	617.658.581.057	604.527.237.743

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Ông Ngô Đức Trường – mượn tiền	1.184.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Quân – mượn tiền	1.899.999.997	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.444.877.000	1.114.800.000

Chi tiết khoản thu nhập, thù lao như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Ghi chú
Hội đồng Quản trị				
Ông Trần Việt Hà	Chủ tịch	76.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Chủ tịch	105.000.000	180.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ông Phan Cao Minh	Phó chủ tịch	-	90.000.000	Miễn nhiệm 23/09/2022
Ông Trần Quang Tuấn	Phó chủ tịch	76.000.000	90.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ông Ngô Đức Trường	Thành viên	25.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	35.000.000	60.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ông Nguyễn Trung Quân	Thành viên	25.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	26.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Trần Hữu Lưu	Thành viên	26.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên	35.000.000	60.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ông Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	35.000.000	-	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ban kiểm soát				
Bà Đoàn Thanh Vân	Trưởng ban	26.000.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	35.000.000	60.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Bà Bùi Thị Thúy Minh	Thành viên	26.961.000	30.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Bà Trịnh Thị Thùy Dung	Thành viên	46.000.000	30.000.000	
Ông Nguyễn Minh Phú	Thành viên	13.500.000	-	Bổ nhiệm 19/04/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Ghi chú
Ban Tổng giám đốc				
Ông Ngô Đức Trường	Tổng giám đốc	151.000.000		- Miễn nhiệm 04/07/2023 Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng giám đốc	192.852.000	391.000.000	Miễn nhiệm 19/04/2023
Ông Ngô Văn Giang	Phó Tổng giám đốc	150.527.000	123.800.000	Bổ nhiệm 28/01/2022
Ông Trần Việt Hà	Phó Tổng giám đốc	110.000.000		- Bổ nhiệm 05/06/2023
Ông Nguyễn Trung Quân	Phó Tổng giám đốc	151.000.000		- Bổ nhiệm 19/04/2023
Ông Lê Quốc Dũng	Phó Tổng giám đốc	78.037.000		- Miễn nhiệm 01/06/2023 Bổ nhiệm 19/04/2023

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty TNHH Đồng Lợi	Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.272.730	906.297.500
	Nhận cung cấp dịch vụ	115.645.055	-
	Mua hàng hóa, dịch vụ	55.390.854	147.836.921
	Cho mượn tiền	224.160.000	-
	Chi hộ	18.900.000	-

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.16 và 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

9.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Nghệ An và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của Tập đoàn như sau:

	Đồng Nai VND	Đồng Tháp VND	Nghệ An VND	Vũng Tàu VND	Các khoản loại trừ VND	Cộng VND
KẾT QUẢ KINH DOANH						
<i>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</i>						
Doanh thu thuần	121.126.347.787	943.065.000	380.562.730	-	(46.625.556.000)	75.824.419.517
Chi phí						
- Giá vốn hàng bán	92.613.301.634	932.150.990	684.520.628	-	(46.223.621.255)	48.006.351.997
- Chi phí chung	23.500.979.861	299.356.824	692.271.812	4.350.036	-	24.496.958.533
Lợi nhuận tài chính	(32.517.941.387)	5.467	11.942	-	(1.220.885.591)	(33.738.809.569)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	484.607.862	(1.443.000)	(1.898.443)	-	-	481.266.419
Tổng lợi nhuận trước thuế	(27.021.267.233)	(289.880.347)	(998.116.211)	(4.350.036)	(1.622.820.336)	(29.936.434.163)
<i>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</i>						
Doanh thu thuần	153.706.900.995	-	1.112.948.392	-	(53.053.313.009)	101.766.536.378
Tổng chi phí						
- Giá vốn hàng bán	117.476.149.117	974.772.073	1.691.284.538	-	(48.367.318.624)	70.800.115.031
- Chi phí chung	24.632.585.979	443.615.607	906.867.720	24.449.982	(2.407.407.408)	23.600.111.880
Lợi nhuận tài chính	(22.017.302.996)	18.337	38.386	-	119.334.412	(21.897.911.861)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(1.550.812.436)	(11.283)	-	-	(33.280.469)	(1.584.104.188)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(11.969.949.533)	(443.608.553)	(1,485,165,480)	(24,449,982)	(2,192,533,034)	(16,115,706,582)
TÀI SẢN - NỢ PHẢI TRẢ						
<i>Tại ngày 30/06/2023</i>						
Tài sản bộ phận	2.454.616.091.748	66.302.255.730	107.041.130.168	4.100.000	(1.060.953.180.986)	1.567.010.396.660
Nợ phải trả bộ phận	1.228.008.758.308	84.122.568	10.580.984.753	44.800.000	(552.255.638.297)	686.463.027.332
<i>Tại ngày 31/12/2022</i>						
Tài sản bộ phận	2.455.376.107.411	67.154.745.727	105.073.996.648	28.450.036	(1,047,841,600,374)	1,579,791,699,448
Nợ phải trả bộ phận	1.201.679.182.738	843.732.218	7.615.735.022	64.800.000	(537,602,501,710)	672,600,948,268

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ngày 17 tháng 08 năm 2023 và ngày 22 tháng 08 năm 2023, 2 cổ đông lớn đã chuyển nhượng thành công số cổ phần sở hữu, tổng cộng là 15.900.000 cổ phần chiếm 20,13% tổng số 79.000.000 cổ phần của Công ty mẹ – xem thêm tại mục 5.19.2.



ĐỖ THỊ KIM DUNG
Người lập



NGUYỄN THỊ MAI
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023 